

Số: /2022/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đối với các dịch vụ, cụ thể:

a) Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp quy định tại Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

- UBND tỉnh Hậu Giang và cơ quan quản lý trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang được ủy quyền đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực trợ giúp xã hội.

- Đơn vị sự nghiệp công lập, nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, cơ sở trợ giúp xã hội đáp ứng đầy đủ các điều kiện và được cấp phép hoạt động theo quy định tại Điều 26 và Điều 45 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.

- Các đối tượng được trợ giúp xã hội quy định tại Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ, Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội (theo Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm

a) Căn cứ giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội làm cơ sở thực hiện.

b) Giải quyết khiếu nại liên quan đến giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động- Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội trong phạm vi quản lý. Báo cáo tình hình thực hiện và vướng mắc liên quan đến giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội cho cơ quan chức năng theo quy định.

c) Thực hiện việc theo dõi, hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước về thuế; quản lý, sử dụng số tiền còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh triển khai, hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp Sở Tài chính báo cáo, đề xuất UBND tỉnh Hậu Giang xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

3. Cục Thuế tỉnh Hậu Giang: có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và các pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ triển khai, tổ chức thực hiện Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

trong lĩnh vực Lao động- Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội đảm bảo quy định của Luật giá.

Điều 3. Quy định chuyên tiếp

Đối với nguồn kinh phí ngân sách tỉnh giao cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành cho đến khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đặt hàng cung cấp dịch vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh Hậu Giang, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 5;
- UBND huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

Phụ lục**GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
VỀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của
UBND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị tính: Đồng

STT	DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ/THÁNG			
		CÓ TÍNH KHẤU HAO TSCĐ		CHƯA TÍNH KHẤU HAO TSCĐ	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp				
1.1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng người lang thang trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú	5,004,867	5,071,534	4,347,747	4,414,414
2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội				
2.1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn đối tượng người tâm thần, người tâm thần lang thang mức độ đặc biệt nặng	8,058,854	8,112,187	7,392,607	7,445,940
2.2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn đối tượng người tâm thần, người tâm thần lang thang mức độ đặc biệt nặng là người cao tuổi	7,411,073	7,424,406	6,748,993	6,762,326

- Giá dịch vụ nêu trên bao gồm chi phí trực tiếp để thực hiện dịch vụ, chi phí tiền lương, chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định (nếu có); chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, lợi nhuận.

- Đối với giá chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp: Giá trên chưa bao gồm chi phí sơ cấp cứu ban đầu và hỗ trợ trị liệu, phục hồi chức năng khi đối tượng có yêu cầu.

- Đối với giá dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội nêu trên chưa bao gồm các chi phí: tập vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần; mai táng phí; Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí; Tư vấn, trợ giúp, hỗ trợ đối tượng trở về gia đình cộng đồng. Hỗ trợ khác cho các đối tượng khi có nhu cầu hu cầu phát sinh.

Số: /TTr-SLĐTBXH

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Quyết định Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 3, Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thì đến hết năm 2021 cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (*tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá*) và trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phân bổ và giao dự toán kinh phí ngân sách đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho các đơn vị, đồng thời quyết định đặt hàng cho đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, chi tiết theo từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017; chi tiết theo số lượng, khối lượng, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền ban hành, kinh phí và các nội dung quy định khác.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc phê duyệt danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Từ các cơ sở trên, việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

- Quy định mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước làm cơ sở để nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập có nguồn thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội và dần tiến tới tự chủ kinh phí chi thường xuyên, chi đầu tư... theo lộ trình của cấp có thẩm quyền;

- Đáp ứng nhu cầu cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc gửi đối tượng cần sự trợ giúp, người thân vào cơ sở trợ giúp xã hội để chăm sóc, nuôi dưỡng theo hình thức tự nguyện trả phí dịch vụ theo quy định.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Nội dung văn bản phải phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, thuộc thẩm quyền của tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định của Trung ương đã ban hành.

- Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội phải phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Được sự thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương xây dựng Quyết định quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội tại Công văn số 1729/UBND-NCTH ngày 16 tháng 9 năm 2021.

Để kịp thời, trình UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Phương án giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng đối với Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hậu Giang tại Công văn số 3747/STC - QLGCSDN ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Trên cơ sở thẩm định Phương án giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng đối với Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hậu Giang của Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn chỉnh nội dung dự thảo Quyết định nêu trên.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục: Quyết định gồm 05 điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội;

- Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan;

- Quy định chuyên tiếp trong việc sử dụng, phân bổ ngân sách nhà nước;

- Thời hiệu Quyết định có hiệu lực thi hành.

- Trách nhiệm thi hành Quyết định của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

BẢNG TỔNG HỢP

(Đính kèm Công văn số: /STC-QLGCSDN ngày /12/2021 của Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang)

STT	DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ/THÁNG				ĐVT	Thành tiền	
		CÓ TÍNH KHẤU HAO TSCĐ		CHƯA TÍNH KHẤU HAO TSCĐ			Nam	Nữ
		Nam	Nữ	Nam	Nữ			
1	Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp							
1.1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng người lang thang trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú	5,004,867	5,071,534	4,347,747	4,414,414	01 đối tượng/03 tháng	15,014,601	15,214,602
2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội							
2.1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn đối tượng người tâm thần, người tâm thần lang thang mức độ đặc biệt nặng	8,058,854	8,112,187	7,392,607	7,445,940	01 đối tượng/12 tháng	96,706,248	97,346,244
2.2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn đối tượng người tâm thần, người tâm thần lang thang mức độ đặc biệt nặng là người cao tuổi	7,411,073	7,424,406	6,748,993	6,762,326		88,932,876	89,092,872